

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi
hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTNMT ngày 21 tháng 3 năm 2017 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ
lãi suất sau đầu tư từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số
172/TTr-STNMT ngày 23/6/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Phú Yên; Hội đồng Quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*STAY*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ TNMT;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư Pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, To, Nh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Hồ Thị Nguyên Thảo

QUY CHẾ

Cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

*(kèm theo Quyết định số 29 /2021/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, ủy thác, nhận ủy thác cho vay, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Quỹ Bảo vệ môi trường; các tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) có các chương trình, dự án đầu tư thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; dự án đầu tư thực hiện việc phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường hoặc giải quyết các vấn đề môi trường có phạm vi ảnh hưởng lớn (sau đây gọi chung là các Dự án đầu tư); các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước có hoạt động vay vốn và hỗ trợ lãi suất vay từ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Cho vay với lãi suất ưu đãi” là hình thức hỗ trợ tài chính của Nhà nước thông qua Quỹ để cho vay vốn với lãi suất ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường tại tỉnh Phú Yên.

2. “Hỗ trợ lãi suất vay” là hình thức Quỹ hỗ trợ một phần lãi suất cho tổ chức, cá nhân có các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên, khi tổ chức, cá nhân đó vay vốn của các tổ chức tín dụng ngoài Quỹ được phép hoạt động tại Việt Nam; dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; vốn vay đã được hoàn trả cho các tổ chức tín dụng.

3. “Tài trợ và đồng tài trợ” là hình thức hỗ trợ tài chính không hoàn lại của Nhà nước thông qua Quỹ đối với đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

4. “Hoạt động bảo vệ môi trường” là những chương trình, dự án, hoạt động, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. “Bảo đảm tiền vay” là việc Quỹ áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi được các khoản nợ đã cho Chủ đầu tư vay.

6. “Thời hạn cho vay” là khoảng thời gian được tính từ khi Chủ đầu tư nhận vốn vay đầu tiên đến thời điểm cam kết trả hết nợ gốc và lãi vốn vay được thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay giữa Quỹ và Chủ đầu tư. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Đối với thời hạn cho vay không đủ một ngày thì thực hiện theo quy định tại Bộ luật dân sự về thời điểm bắt đầu thời hạn.

7. “Kỳ hạn trả nợ” là các khoảng thời gian trong thời hạn cho vay đã được thỏa thuận giữa Quỹ và Chủ đầu tư, mà tại cuối mỗi khoảng thời gian đó Chủ đầu tư phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay cho Quỹ.

8. “Hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ và hợp đồng đồng tài trợ”: Là hợp đồng kinh tế được ký bằng văn bản quy định về việc cho vay lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ giữa Quỹ hoặc các ngân hàng thương mại được Quỹ ủy thác với Chủ đầu tư được hỗ trợ tài chính.

9. “Xử lý rủi ro” là việc áp dụng các biện pháp xử lý đối với khoản nợ của khách hàng gặp rủi ro trong quá trình cho vay, thu hồi nợ vay dẫn đến không thể thu hồi đầy đủ nợ vay (gốc, lãi) theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký. Các biện pháp xử lý rủi ro bao gồm: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ, xóa nợ.

10. “Cơ cấu lại thời hạn trả nợ” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

Trong thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

11. “Khoanh nợ” là việc Quỹ tạm thời chưa thu một phần hoặc toàn bộ nợ vay (gốc và lãi) của khách hàng trong thời gian nhất định và không tính lãi tiền vay phát sinh đối với số nợ vay chưa thu trong thời gian được khoanh nợ. Thời gian khoanh nợ không tính vào thời gian vay vốn.

12. “Xóa nợ” là việc Quỹ không thực hiện thu một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và lãi của đối tượng vay khi đã áp dụng mọi biện pháp để tận thu và đã xử lý nợ theo quy định.

13. “Ủy thác cho vay” là việc một bên (bên ủy thác) giao vốn bằng tiền cho một bên khác (bên nhận ủy thác) để cho vay đối với Chủ đầu tư thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường. Bên ủy thác chịu mọi rủi ro, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác.

14. “Đối tượng ủy thác” là đối tượng được thụ hưởng nguồn vốn ủy thác, bao gồm: Cá nhân, tổ chức, Chủ đầu tư thực hiện các dự án về bảo vệ môi trường.

15. “Thời hạn ủy thác” là khoảng thời gian được tính từ thời điểm bên nhận ủy thác bắt đầu thực hiện nội dung ủy thác cho đến thời điểm hoàn thành nội dung ủy thác, được quy định tại hợp đồng ủy thác.

16. “Vốn ủy thác” là khoản tiền bên ủy thác giao cho bên nhận ủy thác để thực hiện nội dung ủy thác.

17. “Phí ủy thác” là khoản tiền mà bên ủy thác trả cho bên nhận ủy thác để thực hiện nội dung ủy thác, được quy định tại hợp đồng ủy thác, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 4. Đồng tiền trong giao dịch

Đồng tiền trong giao dịch cho vay với lãi suất ưu đãi, trả nợ, hỗ trợ lãi suất, tài trợ, đồng tài trợ là Đồng Việt Nam (viết tắt là VNĐ).

Chương II

CHO VAY VỚI LÃI SUẤT ƯU ĐÃI

Điều 5. Đối tượng cho vay

Đối tượng cho vay với lãi suất ưu đãi là các Chủ đầu tư có các chương trình, dự án thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Phú Yên thuộc Danh mục cho vay vốn do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành hàng năm.

Điều 6. Nguyên tắc vay

1. Công khai, bình đẳng.

2. Chủ đầu tư có các dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên được Quỹ cho vay phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết trong hồ sơ vay vốn và hợp đồng cho vay.

b) Hoàn trả nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn đã thoả thuận trong hợp đồng cho vay.

c) Thiết lập và cung cấp đầy đủ hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Quỹ. Phải tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, tính chính xác, tính trung thực các thông tin, tài liệu cung cấp trong hồ sơ vay vốn.

d) Tuân thủ và thực hiện theo các quy định về bảo đảm tiền vay tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 7. Điều kiện vay

Quỹ xem xét và quyết định cho vay khi Chủ đầu tư vay vốn có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực Pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của Pháp luật.

2. Dự án phải thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

3. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật. Hồ sơ dự án phải đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, chính xác và trung thực.

4. Chủ đầu tư phải có bộ máy quản lý đủ năng lực và trình độ chuyên môn để điều hành hoạt động của dự án.

5. Người đại diện theo pháp luật của Chủ đầu tư có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực của dự án hoặc lĩnh vực liên quan đến dự án.

6. Dự án khả thi và có hiệu quả và được Quỹ thẩm định (phương án tài chính, phương án trả nợ) chấp thuận cho vay.

7. Phải bảo đảm đủ vốn tự có tối thiểu là 30% tổng mức đầu tư của dự án.

8. Chủ đầu tư có hoạt động kinh doanh từ 03 năm trở lên và có lãi trong 02 năm gần nhất đến thời điểm đề nghị vay, trường hợp phát sinh lỗ lũy kế phải có phương án khắc phục lỗ khả thi.

9. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay tại Điều 11 của Quy chế này.

10. Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay hoặc tài sản khác không hình thành từ vốn vay nhưng được dùng bảo đảm tiền vay tại Quỹ thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

Trường hợp dự án đã được quyết định đầu tư hoặc dự án đang thực hiện đầu tư bằng các nguồn vốn khác, nếu có nhu cầu vay vốn của Quỹ thì có thể xem xét cho vay nếu dự án và Chủ đầu tư đảm bảo điều kiện vay vốn theo quy định.

Điều 8. Mức vốn vay và thẩm quyền quyết định cho vay

1. Mức vốn cho vay một dự án tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án và không vượt quá 5% vốn điều lệ thực có của Quỹ, trừ trường hợp đối với những khoản cho vay từ các nguồn vốn ủy thác, ủy quyền của Chính phủ, của các tổ chức và cá nhân.

Ví dụ: Vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm cho vay là 05 tỷ đồng, thì mức vốn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 5% của 5 tỷ đồng, tức số tiền tối đa Quỹ cho vay đối với một dự án là 250 triệu đồng.

2. Thẩm quyền quyết định cho vay:

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với dự án có khoản vay giá trị trên 500 triệu đồng.

Giám đốc điều hành Quỹ quyết định cho vay đối với các khoản vay có giá trị từ 500 triệu đồng trở xuống.

Trường hợp nếu có dự án có mức vốn cho vay cao hơn so với mức tại khoản 1 nêu trên, Hội đồng quản lý Quỹ phải báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện.

Điều 9. Thời hạn cho vay, thời hạn ân hạn

1. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của

Chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm và không vượt quá thời gian hoạt động của doanh nghiệp.

Trường hợp thời gian cho vay trên 05 năm do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định, nhưng không quá 07 năm.

2. Thời hạn ân hạn cho một dự án tối đa là 02 năm.

Điều 10. Lãi suất cho vay

1. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay trên cơ sở đề nghị của Quỹ nhưng không vượt quá 50% mức lãi suất cho vay thông thường bình quân của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh công bố cùng thời kỳ.

2. Đối với một dự án, lãi suất vay vốn được xác định tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn và cố định trong suốt thời hạn vay.

3. Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc và nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Điều 11. Bảo đảm tiền vay

1. Chủ đầu tư vay vốn phải dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình hoặc bên thứ ba để bảo đảm tiền vay bằng hình thức cầm cố, thế chấp; bảo lãnh của ngân hàng thương mại hoặc dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm. Giám đốc Quỹ quyết định lựa chọn hình thức bảo đảm tiền vay.

2. Khi thế chấp tài sản gắn liền với đất, khách hàng vay phải thế chấp cả giá trị quyền sử dụng đất cùng với tài sản đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trong thời hạn chưa trả hết nợ, Chủ đầu tư vay vốn hoặc bên bảo lãnh không được quyền chuyển nhượng, bán, cho thuê, cho mượn, cầm cố hoặc thế chấp tài sản đã thế chấp, đã được bảo lãnh để vay vốn nơi khác.

4. Trình tự và thủ tục bảo đảm tiền vay, đăng ký giao dịch bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm tiền vay.

Điều 12. Phương thức cho vay

Tùy theo tính chất của dự án mà Quỹ sẽ giải ngân một lần hoặc theo tiến độ triển khai thực hiện dự án.

Điều 13. Hồ sơ vay vốn

1. Chủ đầu tư gửi đến Quỹ hồ sơ vay vốn, gồm có:

a) Hồ sơ Chủ đầu tư:

01 bản sao Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư /Giấy chứng nhận đầu tư;

01 bản sao Biên bản tham gia góp vốn điều lệ thành lập công ty, các chứng từ thể hiện góp vốn (nếu có);

01 bản sao Điều lệ tổ chức hoạt động (nếu có);

01 bản sao Quyết định bổ nhiệm và bản sao giấy tờ tùy thân của Người đại diện theo pháp luật; Kế toán trưởng; Người được ủy quyền giao dịch, ký kết các hợp đồng liên quan đến việc vay vốn tại Quỹ;

01 bản chính Biên bản/Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị về việc vay vốn, sử dụng tài sản bảo đảm cho khoản vay và cử người đại diện liên hệ vay vốn tại Quỹ;

01 bản sao Báo cáo tài chính đã nộp cơ quan thuế trong 03 năm gần nhất, Báo cáo tài chính các quý gần nhất (nếu có).

01 bản sao Tờ khai thuế GTGT 6 tháng gần nhất.

01 bản sao Chứng từ chứng minh doanh thu – chi phí (Hợp đồng kinh tế, hóa đơn...)

Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Hồ sơ dự án:

01 bản chính Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu của Quỹ;

01 bản chính dự án hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP

01 bản chính Quyết định phê duyệt dự án/phương án đầu tư theo quy định của pháp luật;

Bản sao công chứng Hồ sơ pháp lý môi trường: Quyết định phê duyệt kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường; Phiếu xác nhận kèm Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường;

01 bản sao Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc Giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

01 bản chính Phương án sản xuất kinh doanh của Chủ đầu tư tương ứng với thời gian vay;

Hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán chi tiết kinh phí đầu tư cho dự án/phương án (nếu có);

Các hợp đồng kinh tế liên quan đến dự án/phương án đầu tư (nếu có);

Các tài liệu cần thiết khác liên quan đến dự án/phương án đầu tư (nếu có).

c) Hồ sơ bảo đảm tiền vay:

Giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp kèm bảng kê (giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản...);

Giấy xác nhận của Ngân hàng bảo lãnh (trường hợp chứng thư bảo lãnh).

2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

Khi có nhu cầu vay vốn, khách hàng gửi cho Quỹ hồ sơ vay vốn và các tài liệu cần thiết chứng minh đủ điều kiện vay vốn như quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Văn bản của chủ đầu tư đề nghị Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên cho vay với lãi suất ưu đãi do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

Hồ sơ được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Khách hàng vay phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu gửi cho Quỹ. Trường hợp giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Giám đốc Quỹ giao cho viên chức, người lao động có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các loại tài liệu khách hàng cần gửi cho Quỹ phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng khách hàng, từng loại hình cho vay và khoản vay đúng theo quy định của Quỹ.

Điều 14. Thẩm định và thẩm định lại dự án

1. Nguyên tắc thẩm định:

a) Bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay nhằm đảm bảo khả năng thu hồi vốn, yêu cầu quản lý và hiệu quả hoạt động của Quỹ;

b) Căn cứ các quy định trong quy chế để loại trừ dần các đơn vị vay không đủ điều kiện vay vốn nhằm giảm thời gian xem xét;

c) Quỹ xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án và khả năng hoàn trả nợ vay của Chủ đầu tư để quyết định cho vay.

2. Thẩm định dự án, phương án đầu tư:

a) Thẩm định Chủ đầu tư

- Khái quát về Chủ đầu tư;
- Phân tích, đánh giá năng lực của Chủ đầu tư.

b) Thẩm định dự án

- Khái quát dự án/phương án đầu tư, mục đích của việc đầu tư;
- Thẩm định tính pháp lý, tính khả thi, sự phù hợp với quy định pháp lý về môi trường của dự án/phương án đầu tư;
- Thẩm định tổng mức vốn đầu tư của dự án/phương án, vốn tự có của chủ đầu tư tham gia vào dự án/phương án;
- Đánh giá rủi ro, cơ hội và thách thức của các dự án/phương án đầu tư mang lại doanh thu;
- Thẩm định hiệu quả kinh tế của dự án/phương án đầu tư (nếu có);
- Thẩm định hiệu quả xã hội của dự án/phương án đầu tư;
- Thẩm định khả năng trả nợ, khả năng hoàn vốn của dự án đầu tư.

- Kiểm tra thực tế nơi triển khai dự án: Đối chiếu hồ sơ vay vốn với hồ sơ gốc lưu tại đơn vị; trao đổi các vấn đề liên quan đến hồ sơ vay vốn; thẩm định sự phù hợp nơi triển khai dự án.

c) Thẩm định tài sản bảo đảm.

- Thẩm định pháp lý của tài sản bảo đảm;

- Thẩm định giá trị của tài sản bảo đảm.

3. Thực hiện thẩm định lại dự án vay vốn trong các trường hợp sau:

a) Dự án có thay đổi so với quyết định đầu tư đã phê duyệt và được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án bằng văn bản đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành về quản lý cho vay;

b) Sau 12 tháng kể từ khi Quỹ thông báo chấp thuận cho vay nhưng dự án chưa được triển khai thực hiện.

Điều 15. Hợp đồng cho vay

1. Nội dung hợp đồng vay vốn theo mẫu quy định của Quỹ và bao gồm các nội dung chính sau:

Tên, địa chỉ Bên cho vay và Bên vay (Chủ đầu tư), người đại diện hoặc người bảo lãnh (nếu có), số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, cách thức và tiến độ cấp vốn vay, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức và thời hạn trả nợ, giá trị và hình thức bảo đảm tiền vay, biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng vay vốn được ký theo nguyên tắc:

a) Trường hợp Quỹ cho vay trực tiếp thì Quỹ thông báo cho Chủ đầu tư vay vốn ký hợp đồng cho vay với Quỹ;

b) Trường hợp Quỹ uỷ thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác cho vay và thu hồi nợ thì Quỹ thông báo cho Chủ đầu tư vay vốn ký hợp đồng cho vay với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính được Quỹ uỷ thác;

Thủ tục, nội dung uỷ thác cho vay tuân theo những quy định tại Chương V "Uỷ thác, nhận uỷ thác cho vay" của Quy chế này.

3. Nếu phát hiện những yếu tố ảnh hưởng đến an toàn nguồn vốn vay, Quỹ có quyền từ chối cho vay hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng vay vốn hoặc thu hồi nợ trước hạn.

4. Trường hợp dự án được đầu tư bằng vốn vay của Quỹ và vốn vay của các tổ chức cho vay khác phải được Quỹ đồng ý bằng văn bản; Việc ký hợp đồng cho vay và hợp đồng bảo đảm tiền vay với các tổ chức cho vay khác phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hợp đồng vay vốn và hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với Quỹ.

Điều 16. Giải ngân và kiểm tra, giám sát vốn vay

1. Vốn vay được giải ngân phù hợp với tiến độ và nhu cầu sử dụng vốn của Chủ đầu tư, đúng mục đích, trong thời hạn giải ngân đã thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn (nếu có).

2. Quỹ có quyền và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của Chủ đầu tư vay vốn.

3. Quỹ có trách nhiệm hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục giải ngân và kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn, việc trả nợ của Chủ đầu tư vay vốn phù hợp với đặc điểm hoạt động của Quỹ và tính chất của khoản vay, nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

4. Giám đốc Quỹ xây dựng quy trình và tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng phù hợp với đặc điểm hoạt động của Quỹ và tính chất của khoản vay nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay.

Điều 17. Thu nợ và lãi vay

1. Thu nợ định kỳ: Đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi quy định trong Hợp đồng cho vay hoặc Phụ lục hợp đồng đã ký, Quỹ gửi thông báo yêu cầu Chủ đầu tư trả nợ đúng hạn.

2. Thu nợ trước hạn: Quỹ không áp dụng phí trả nợ trước hạn đối với Chủ đầu tư. Các trường hợp trả nợ trước hạn:

Chủ đầu tư cân đối được nguồn trả nợ trước hạn theo quy định trong Hợp đồng cho vay.

Trong quá trình kiểm tra Quỹ phát hiện Chủ đầu tư vi phạm các cam kết trong Hợp đồng cho vay, Quỹ đình chỉ cho vay và thu nợ trước hạn.

3. Thu nợ quá hạn: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Chủ đầu tư không trả đúng hạn theo thỏa thuận nếu không được Quỹ chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

4. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên và Chủ đầu tư thỏa thuận việc thứ tự thu hồi gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản vay bị quá hạn Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

Điều 18. Phân loại nợ và trích lập quỹ dự phòng rủi ro

1. Hàng quý, Quỹ thực hiện phân loại nợ và trích lập quỹ dự phòng rủi ro (gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung) để xử lý bù đắp tổn thất rủi ro trong hoạt động cho vay;

2. Việc phân loại và trích lập quỹ dự phòng rủi ro của Quỹ được xác định theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân

hàng Nhà nước Việt Nam Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ ra quyết định công nhận kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro hàng quý của Quỹ.

3. Việc trích lập dự phòng rủi ro được hạch toán vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung còn lại của quý trước nhỏ hơn số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung phải trích của quý trích lập, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên sẽ phải trích bổ sung phần chênh lệch thiếu.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung còn lại của quý trước lớn hơn số tiền dự phòng cụ thể và dự phòng chung phải trích của quý trích lập, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên phải hoàn nhập phần chênh lệch thừa.

Điều 19. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ, xóa nợ

1. Biện pháp xử lý rủi ro

Trường hợp Chủ đầu tư dự án không thể trả được nợ gốc và lãi theo thời hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường, Quỹ áp dụng các biện pháp xử lý gồm: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ, xóa nợ

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng và Quỹ đánh giá là có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay;

Gia hạn nợ vay: Chủ đầu tư không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ. Trong thời gian gia hạn nợ, Chủ đầu tư vẫn phải trả lãi tiền vay. Thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời gian trả nợ ghi trong Hợp đồng tín dụng.

b) Khoan nợ: Chủ đầu tư được xem xét khoan nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

Chủ đầu tư vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của khách hàng hoặc của dự án; Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chủ đầu tư (không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm...). Thời gian khoan nợ tối đa là 03 năm tính từ ngày Chủ đầu tư gặp rủi ro;

Trường hợp hết thời gian khoan nợ, Chủ đầu tư vay vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét tiếp tục cho khoan nợ với thời gian

tối đa không vượt quá thời gian đã được khoan nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Xóa nợ: Chủ đầu tư được xóa nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

Chủ đầu tư vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này nhưng sau khi đã hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp được khoan nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ. Quỹ đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán;

Chủ đầu tư vay vốn có quyết định giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật mà không còn pháp nhân, không còn vốn, tài sản để trả nợ cho Quỹ và Quỹ đã áp dụng các biện pháp tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán;

Cá nhân bị chết, mất tích.

2. Hồ sơ pháp lý để xử lý rủi ro

a) Hồ sơ xử lý rủi ro đối với trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:

Đơn đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ nêu rõ nguyên nhân không có khả năng trả nợ đúng thời hạn; khả năng trả nợ; thời gian đề nghị điều chỉnh.

b) Hồ sơ xử lý rủi ro đối với trường hợp gia hạn nợ, khoan nợ

01 Đơn đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ nêu rõ nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả Quỹ; số tiền đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ;

01 Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản do Chủ đầu tư lập có xác nhận của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền (Biên bản xác định thiệt hại được lập ngay sau khi xảy ra thiệt hại; Biên bản xác định thiệt hại phải ghi rõ mức độ (*số lượng*) và giá trị thiệt hại của từng loại tài sản, hàng hóa; Thành phần tham gia xác định thiệt hại: Quỹ; chủ đầu tư; Ủy ban nhân dân cấp phường/xã; cơ quan tài chính cấp huyện, thị xã hoặc thuê tư vấn; Cơ quan chức năng có liên quan như phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt, thú y.... tùy từng trường hợp cụ thể);

01 Báo cáo tài chính hai 02 năm gần nhất đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro của chủ đầu tư (nếu có). Trường hợp chủ đầu tư thuộc đối tượng bắt buộc phải kiểm toán theo quy định của nhà nước thì phải nộp báo cáo kiểm toán năm gần nhất đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro;

01 Phương án khôi phục sản xuất, kinh doanh;

Hợp đồng cho vay và phụ lục hợp đồng cho vay (nếu có);

Khế ước vay vốn, bản đối chiếu nợ vay đến thời điểm đề nghị xử lý rủi ro.

c) Hồ sơ xử lý rủi ro đối với trường hợp xóa nợ

01 đơn đề nghị xóa nợ nêu rõ nguyên nhân dẫn đến rủi ro không trả được nợ; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền gốc và lãi đang còn nợ Quỹ; số tiền gốc và lãi xin xóa nợ;

01 Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tuyên bố của Tòa án và các văn bản liên quan đến việc thanh lý tài sản đối với trường hợp người vay là pháp nhân, tổ chức kinh tế đã phá sản, giải thể;

01 bản sao được chứng thực giấy chứng tử, giấy xác nhận hoặc quyết định tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật đối với trường hợp Chủ đầu tư là cá nhân bị chết, mất tích;

Các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

3. Trình tự, thủ tục xử lý rủi ro

a) Chủ đầu tư có các khoản nợ đề nghị xử lý có trách nhiệm lập bộ hồ sơ theo quy định và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Quỹ. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro;

b) Sau khi chủ đầu tư nộp đủ hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, trong thời gian tối đa 15 ngày làm việc Quỹ phải kiểm tra, xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý rủi ro của chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp (*kèm theo bộ hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro*);

c) Căn cứ quyết định xử lý rủi ro của cấp có thẩm quyền, Quỹ tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ do Giám đốc Quỹ quyết định.

2. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/3 thời gian trả nợ ghi trong Hợp đồng tín dụng.

3. Việc khoan nợ và xóa nợ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài nguyên và môi trường.

Điều 21. Sử dụng Quỹ dự phòng để xử lý rủi ro

1. Đối tượng sử dụng Quỹ dự phòng:

- Chủ đầu tư có dự án vay gặp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh xảy ra làm thiệt hại trực tiếp đến vốn, tài sản của dự án;

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Chủ đầu tư;

- Chủ đầu tư là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích;

- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 theo quy định.

2. Nguyên tắc sử dụng Quỹ dự phòng

- Sử dụng dự phòng cụ thể trích đã lập để xử lý rủi ro đối với các khoản nợ;

- Tiến hành việc phát mại tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với Khách hàng và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ;

- Đối với các khoản nợ có bảo lãnh của ngân hàng: yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh;

- Trường hợp sử dụng dự phòng cụ thể và số tiền thu được từ phát mại tài sản, tiền bảo lãnh không đủ bù đắp rủi ro của khoản nợ thì phải sử dụng dự phòng chung để xử lý.

3. Quyết định sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro

Trường hợp phải sử dụng quỹ dự phòng rủi ro, Quỹ thành lập Hội đồng quyết định sử dụng quỹ dự phòng. Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ làm Chủ tịch và các thành viên gồm Giám đốc Quỹ, Trưởng ban kiểm soát, Kế toán trưởng, phụ trách bộ phận tín dụng và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định.

4. Trách nhiệm của Hội đồng đối với việc xử lý rủi ro

- Phê duyệt báo cáo tổng hợp kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt;

- Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

- Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm.

5. Trách nhiệm của Quỹ đối với việc xử lý rủi ro

- Việc sử dụng Quỹ dự phòng xử lý rủi ro để hạch toán các khoản nợ liên quan vào tài khoản ngoại bảng phù hợp và theo dõi, đôn đốc, thu nợ là công việc nội bộ của Quỹ, không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của Khách hàng đối với khoản nợ được xử lý rủi ro. Sau khi xử lý rủi ro, Quỹ phải có các biện pháp thu hồi nợ đầy đủ, triệt để và tiếp tục theo dõi, thu hồi nợ đối với khoản nợ được xử lý rủi ro theo hợp đồng tín dụng, cam kết đã thỏa thuận với Chủ đầu tư;

- Sau thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp của Hội đồng xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, Quỹ được quyết định xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng sau khi báo cáo Hội đồng quản lý;

- Việc xuất toán nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi ngoại bảng chỉ được thực hiện khi có đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh đã thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu được nợ;

- Hồ sơ đối với khoản nợ đã được xuất toán ra khỏi ngoại bảng phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm cả hồ sơ xử lý rủi ro và toàn bộ tài liệu chứng minh Quỹ đã thực hiện tất cả các biện pháp để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

6. Xử lý số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro

Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro, kể cả số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, được coi là thu nhập khác trong kỳ kế toán của Quỹ.

Chương III

HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN

Điều 22. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay

Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay là các chủ đầu tư có các chương trình, dự án thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Phú Yên có vay vốn của tổ chức tín dụng khác được phép hoạt động tại Việt Nam thì được xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn từ Quỹ.

Điều 23. Phạm vi được hỗ trợ lãi suất vay

Việc hỗ trợ lãi suất vay được tiến hành 01 lần, cấp cho Chủ đầu tư sau khi Chủ đầu tư đã trả nợ vay đầu tư trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà Chủ đầu tư đã trả cho tổ chức tín dụng theo hợp đồng, khế ước vay và sau khi dự án đưa vào sản xuất kinh doanh (không bao gồm nợ đã được khoan nợ, xóa nợ và nợ quá hạn).

Điều 24. Nguyên tắc xác định hỗ trợ lãi suất vay cho một dự án

1. Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và hoàn trả được một phần hoặc toàn bộ vốn vay cho tổ chức tín dụng.

2. Dự án được cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường xác nhận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc đã giải quyết được các vấn đề môi trường.

3. Dự án chưa được vay vốn hoặc tài trợ và đồng tài trợ bằng nguồn vốn hoạt động từ Quỹ.

4. Mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính trên tổng số nợ gốc thực trả theo hợp đồng tín dụng đã ký với tổ chức tín dụng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định theo quyết toán vốn đầu tư được duyệt của dự án.

5. Chỉ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với số vốn vay chủ đầu tư trả nợ tổ chức tín dụng kể từ ngày có văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.

6. Chỉ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với dự án chưa được hưởng chính sách ưu đãi tín dụng của Nhà nước.

7. Đối với các khoản vay chủ đầu tư trả nợ trước hạn, mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo hợp đồng tín dụng đã ký.

8. Không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản trả nợ quá hạn, nợ trả trong thời gian gia hạn nợ.

9. Không hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các khoản vốn vay để: trả lãi vay tổ chức tín dụng, trả nợ khoản vay vốn lưu động, nộp thuế VAT, đầu tư các hạng mục hoặc khối lượng công việc không có trong dự án đầu tư được duyệt.

Điều 25. Lãi suất hỗ trợ và nguồn hỗ trợ lãi suất vay

1. Mức lãi suất hỗ trợ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ngay tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất nhưng không vượt quá 50% lãi suất vay

vốn theo hợp đồng cho vay chủ đầu tư đã ký với các tổ chức tín dụng (chỉ tính trên lãi suất vay trong hạn, không tính trên lãi suất vay quá hạn), đồng thời không vượt quá mức lãi suất áp dụng cho vay của Quỹ tại thời điểm ký kết hợp đồng hỗ trợ lãi suất.

2. Xác định số tiền hỗ trợ:

Số tiền Vốn gốc Lãi suất hỗ Thời gian thực vay tính
được hỗ = được xét x trợ được x theo năm đối với số nợ
trợ duyệt hỗ trợ duyệt gốc được hỗ trợ lãi suất

Thời gian thực vay quy ước: 1 tháng = 30 ngày; 1 năm = 360 ngày.

3. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất: Giám đốc Quỹ quyết định mức hỗ trợ lãi suất vay trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp; trên mức quyết định của Giám đốc Quỹ sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 26. Thời hạn hỗ trợ lãi suất vay

Thời hạn hỗ trợ lãi suất được xác định căn cứ vào thời hạn vay ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký của Chủ đầu tư với tổ chức tín dụng cho vay, tối đa không quá 05 năm cho một dự án.

Điều 27. Hồ sơ, thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay

1. Chủ đầu tư gửi đến Quỹ hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay, gồm có:

a) Hồ sơ pháp lý

01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập;

01 bản sao Điều lệ hoạt động doanh nghiệp;

01 bản sao Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, kế toán trưởng.

b) Hồ sơ tài chính

01 bản sao Hợp đồng tín dụng;

01 bản chính Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của dự án;

01 bản chính Bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng;

01 bản chính Phiếu xác nhận trả nợ của các tổ chức tín dụng cho vay đối với dự án xin hỗ trợ lãi suất sau đầu tư;

01 bản sao các chứng từ liên quan đến giải ngân, trả nợ cho hợp đồng tín dụng liên quan đến dự án xin hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

c) Hồ sơ dự án

01 bản chính Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo mẫu của Quỹ;

01 bản sao Dự án đầu tư được phê duyệt;

01 bản chính Quyết định phê duyệt dự án;

01 bản chính Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán chi tiết các hạng mục của dự án;

01 bản sao Hợp đồng thực hiện dự án: Hợp đồng xây lắp, hợp đồng mua bán thiết bị...;

01 bản sao văn bản xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định (nếu có);

01 bản sao Hóa đơn theo quy định; bộ sao chứng từ nhập khẩu đối với thiết bị do chủ đầu tư nhập khẩu hoặc ủy thác;

01 bản sao Hồ sơ nghiệm thu các hạng mục công trình của dự án;

01 bản sao Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư được duyệt.

2. Việc thẩm định hồ sơ hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện theo Quy trình thẩm định do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành.

3. Tổng kinh phí hỗ trợ lãi suất vay của Quỹ trong năm không vượt quá 20% vốn bổ sung hàng năm theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên hoặc Quy chế sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 28. Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay

Hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay theo mẫu của Quỹ ban hành và phải có các nội dung chính sau: Tên, địa chỉ Bên hỗ trợ và Bên nhận hỗ trợ; người đại diện ký hợp đồng; tên dự án đầu tư; tài khoản mở tại tổ chức tín dụng cho vay vốn; tổng mức vốn đầu tư; số hợp đồng đã vay; tổ chức đã cho vay; số vốn đã vay, số lãi tiền vay đã trả cho tổ chức tín dụng; mức lãi suất hỗ trợ và số tiền được hỗ trợ; quyền, nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác (nếu có).

Điều 29. Xét cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay

Việc xét cấp vốn hỗ trợ lãi suất vay được thực hiện vào kỳ họp định kỳ hàng năm của Hội đồng quản lý Quỹ.

Chương IV

TÀI TRỢ VÀ ĐỒNG TÀI TRỢ

Điều 30. Đối tượng nhận tài trợ và đồng tài trợ

Đối tượng nhận tài trợ và đồng tài trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 31. Điều kiện tài trợ và đồng tài trợ

1. Thuộc đối tượng tài trợ của Quỹ được quy định tại Điều 29 của Quy chế này.
2. Các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường có tính khả thi, có hiệu quả xã hội về bảo vệ môi trường và được cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Đối với dự án đầu tư bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư phải có vốn đối ứng ít nhất là 50% tổng kinh phí đầu tư để thực hiện dự án đó.
4. Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ được Quỹ chấp thuận và tiến hành ký hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ.

Điều 32. Mức tài trợ và thẩm quyền quyết định tài trợ

1. Quỹ được sử dụng tối đa 30% vốn hoạt động bổ sung hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ. Mức vốn tài trợ thực hiện theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng tối đa không quá 50% tổng chi phí để thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ môi trường xin tài trợ và phải phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ cho phép.

2. Thẩm quyền quyết định tài trợ, đồng tài trợ: Hàng năm, Giám đốc Quỹ đề nghị danh mục các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường và mức tài trợ trình Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

Điều 33. Hồ sơ, thẩm định hồ sơ tài trợ, đồng tài trợ

1. Chủ đầu tư gửi đến Quỹ hồ sơ tài trợ, đồng tài trợ gồm có:

a) Hồ sơ pháp lý của đơn vị xin tài trợ, đồng tài trợ gồm có:

01 bản sao Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư.

01 bản sao Biên bản tham gia góp vốn điều lệ thành lập công ty, các chứng từ thể hiện góp vốn (nếu có).

01 bản sao Điều lệ hoạt động hoặc quy định chức năng nhiệm vụ và quyền hạn.

01 bản sao Quyết định bổ nhiệm và bản sao chứng minh nhân dân của Người đại diện theo pháp luật; Kế toán trưởng; Người được ủy quyền giao dịch, ký kết các hợp đồng liên quan đến việc xin tài trợ tại Quỹ.

01 bản chính Biên bản/Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị về việc xin tài trợ và cử người đại diện liên hệ xin tài trợ tại Quỹ.

b) Hồ sơ pháp lý chương trình/dự án gồm có:

01 bản chính Đơn đề nghị tài trợ theo mẫu của Quỹ.

01 bản sao Chương trình/dự án xin tài trợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

01 bản sao Hồ sơ pháp lý môi trường: Quyết định phê duyệt kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường, Phiếu xác nhận kèm Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường (nếu có).

01 bản sao Dự toán kinh phí thực hiện và Quyết định phê duyệt dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

01 bản sao tài liệu chứng minh việc Chủ đầu tư đã sử dụng vốn đối ứng ít nhất 50% tổng kinh phí đầu tư để thực hiện dự án.

Các tài liệu, văn bản khác có liên quan theo yêu cầu của Quỹ (nếu có).

2. Việc thẩm định hồ sơ đề nghị tài trợ, đồng tài trợ được thực hiện theo Quy trình thẩm định do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành.

Điều 34. Hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ

1. Hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ theo mẫu của Quỹ ban hành và phải có các nội dung chính sau:

Tên cơ quan và đại diện có thẩm quyền của Bên tài trợ và Bên nhận tài trợ (Chủ đầu tư); địa chỉ, số tài khoản, mục đích sử dụng tài trợ, tổng vốn thực hiện dự án, số vốn được tài trợ hoặc đồng tài trợ, cách thức và tiến độ cấp vốn tài trợ, thời hạn tài trợ, hoặc đồng tài trợ, quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thoả thuận phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Hợp đồng tài trợ hoặc đồng tài trợ được ký một lần theo mẫu quy định của Quỹ. Đại diện ký hợp đồng tài trợ và đồng tài trợ của Quỹ là Giám đốc Quỹ hoặc người được ủy quyền.

3. Trước khi ký hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ hoặc đang trong quá trình thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ, nếu phát hiện Chủ đầu tư có vi phạm Pháp luật hoặc vốn tài trợ không được thực hiện đúng mục đích, không hiệu quả, Quỹ có quyền đình chỉ việc ký kết thực hiện hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ và báo cáo ngay cho Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, thu hồi số tiền đã tài trợ, đồng tài trợ có vi phạm và xử lý theo quy định của Pháp luật.

Chương V

ỦY THÁC, NHẬN ỦY THÁC CHO VAY

Điều 35. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận vốn ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để cho vay, thu hồi nợ vốn vay theo hợp đồng ủy thác.

2. Việc nhận ủy thác thực hiện theo nội dung hợp đồng nhận ủy thác được ký kết giữa Quỹ và Bên ủy thác, phù hợp khả năng của mỗi bên và Pháp luật hiện hành.

3. Khi nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ vốn vay, Quỹ được hưởng phí ủy thác và các khoản hưởng lợi khác được thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác và Quỹ không phải chịu trách nhiệm về hiệu quả cũng như các thủ tục pháp lý ban đầu của dự án.

Điều 36. Ủy thác cho vay

1. Quỹ ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác để cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác. Mức phí ủy thác do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 37. Nguyên tắc ủy thác

1. Ủy thác phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản, phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định Pháp luật khác có liên quan.

2. Bên ủy thác chỉ được ủy thác cho bên nhận ủy thác thực hiện những nội dung ủy thác mà bên ủy thác được thực hiện và được ủy thác theo quy định của Pháp luật; bên nhận ủy thác chỉ được nhận ủy thác đối với những nội dung ủy thác mà bên nhận ủy thác được thực hiện và được nhận ủy thác theo quy định của Pháp luật.

3. Bên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba.

4. Việc giao vốn ủy thác phải phù hợp với tiến độ thực hiện nội dung ủy thác.

5. Bên nhận ủy thác không được sử dụng vốn ủy thác trái với mục đích, nội dung ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác.

6. Bên ủy thác phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với số dư ủy thác.

Bên nhận ủy thác không phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với số dư nhận ủy thác.

Điều 38. Hợp đồng ủy thác

1. Nội dung hợp đồng ủy thác theo mẫu quy định của Quỹ và bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên, địa chỉ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác;
- b) Đối tượng ủy thác: Phải quy định đích danh hoặc các thông tin cụ thể đủ để xác định được đối tượng ủy thác;
- c) Mục đích ủy thác;
- d) Phạm vi, nội dung ủy thác;
- e) Thời hạn ủy thác;
- f) Phí ủy thác;
- g) Vốn ủy thác, thời gian giao vốn ủy thác;
- h) Đồng tiền thực hiện ủy thác (nếu có);
- i) Quyền, nghĩa vụ của bên ủy thác, bên nhận ủy thác, trong đó phải quy định rõ bên ủy thác chịu mọi rủi ro và hưởng mọi lợi ích từ hoạt động ủy thác, bên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác;
- j) Chấm dứt hợp đồng trước hạn;
- k) Xử lý tranh chấp.

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, hợp đồng ủy thác có thể có các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của Quy chế này và quy định của Pháp luật có liên quan.

3. Trình tự ký hợp đồng ủy thác hoặc nhận ủy thác

Sau khi nhận được đề nghị của Bên ủy thác hoặc nhận ủy thác, Giám đốc Quỹ trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Trường hợp đồng ý, sau khi có quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ tiến hành ký hợp đồng uỷ thác, nhận uỷ thác. Đại diện ký hợp đồng uỷ thác, nhận uỷ thác của Quỹ là Giám đốc Quỹ hoặc người được uỷ quyền.

Trường hợp không đồng ý uỷ thác hoặc nhận uỷ thác thì Quỹ thông báo từ chối bằng văn bản cho Chủ đầu tư biết.

Chương VI

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 39. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư có quyền hạn như sau

- a) Từ chối các yêu cầu của Quỹ không đúng với các thoả thuận trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ;
- b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm hợp đồng cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ theo quy định của pháp luật;
- c) Yêu cầu cấp vốn vay ưu đãi, cấp vốn hỗ trợ lãi suất, cấp vốn tài trợ khi có đủ điều kiện cấp vốn.

2. Chủ đầu tư có nghĩa vụ

- a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ, sử dụng vốn vay cho Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Quỹ, tạo điều kiện để tổ chức cho vay thực hiện kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay, cam kết và gửi đủ báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm cho Quỹ trong suốt thời gian chưa trả hết nợ vay;
- b) Sử dụng vốn vay, hỗ trợ lãi suất và tài trợ đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ và các cam kết khác;
- c) Trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn theo thoả thuận trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ;
- d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ những thoả thuận về việc sử dụng vốn vay, việc trả nợ vay đã cam kết trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ;
- đ) Khi chuyển quyền sở hữu, chia tách, sáp nhập, bên vay phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Quỹ. Trường hợp chưa trả hết nợ gốc và lãi vay thì phải làm thủ tục chuyển nợ gốc và lãi vay cho đơn vị mới nhận nếu được Quỹ đồng ý bằng văn bản. Đại diện hợp pháp của bên vay mới phải nhận toàn bộ nợ gốc và lãi vay, thực hiện đầy đủ những điều khoản mà bên vay cũ đã cam kết trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ trước đây;
- e) Thực hiện báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành theo đúng chế độ hiện hành;

g) Đối với các đơn vị nhận tài trợ dài hạn định kỳ 06 tháng và hàng năm Bên nhận tài trợ phải gửi cho Quỹ báo cáo tiến độ thực hiện dự án, sử dụng tiền tài trợ theo yêu cầu của Quỹ. Bên nhận tài trợ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

h) Trong trường hợp Bên vay bị tuyên bố phá sản, việc giải quyết nợ vay tuân theo Luật phá sản.

Điều 40. Quyền hạn và nghĩa vụ của Quỹ Bảo vệ môi trường

1. Quỹ Bảo vệ môi trường có quyền hạn

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp tài liệu chứng minh hồ sơ pháp lý của bên đi vay và bên nhận tài trợ, hồ sơ pháp lý của dự án đầu tư; tính khả thi, hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội của dự án; các báo cáo tài chính quý, năm, khả năng tài chính của Chủ đầu tư theo yêu cầu của từng hình thức hỗ trợ tài chính trước khi quyết định hỗ trợ cho các dự án đầu tư môi trường;

b) Từ chối yêu cầu vay vốn hoặc tài trợ nếu thấy không đủ điều kiện vay vốn và nhận tài trợ, dự án vay vốn hoặc nhận tài trợ không có hiệu quả, khả thi, không có khả năng hoàn trả nợ vay hoặc không có đủ tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không có khả năng phát mại theo quy định hoặc Quỹ không có đủ nguồn vốn để cho vay và tài trợ;

c) Kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ; sử dụng vốn vay và trả nợ của Chủ đầu tư; kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay, tài sản bảo lãnh khi cần thiết;

d) Chấm dứt việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ; thu hồi nợ trước hạn cả gốc và lãi vay trong các trường hợp sau:

Bên vay cung cấp thông tin sai sự thật;

Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích;

Tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của bên vay có dấu hiệu đe dọa nghiêm trọng đến khả năng trả nợ cho bên cho vay;

Bên vay thực hiện chuyển đổi sở hữu, tổ chức lại mà không thông báo cho bên cho vay, chưa được bên cho vay chấp thuận chuyển nợ cho chủ thể mới;

Bên vay giải thể, mất khả năng thanh toán, có quyết định của Tòa Kinh tế mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản của bên vay.

đ) Khởi kiện Bên vay hoặc Bên nhận tài trợ vi phạm hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ.

e) Khi đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả nợ, nếu các bên không có thoả thuận khác, thì Bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thoả thuận trong hợp đồng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp khách hàng được bảo lãnh vay vốn.

2. Quỹ Bảo vệ môi trường có nghĩa vụ

a) Thực hiện việc cho vay, hỗ trợ lãi suất, tài trợ hoặc đồng tài trợ đúng đối tượng theo quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và các quy định tại Quy chế này;

b) Thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn, hợp đồng hỗ trợ lãi suất vay, hợp đồng tài trợ, đồng tài trợ;

c) Hướng dẫn Chủ đầu tư lập hồ sơ vay hoặc tài trợ, giải ngân kịp thời, tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định hiện hành;

d) Lưu giữ hồ sơ cho vay, hồ sơ hỗ trợ lãi suất, hồ sơ tài trợ, đồng tài trợ, hồ sơ thế chấp, hồ sơ ủy thác, nhận ủy thác phù hợp với quy định của pháp luật và theo đúng quy định về lưu trữ, bảo mật, bảo quản hồ sơ của Quỹ.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Điều khoản thi hành

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ, đồng tài trợ, ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Yên do Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ để trình UBND tỉnh quyết định.

Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Quỹ và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. / *gsm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Th*



Hồ Thị Nguyên Thảo